

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Đầu tư Kinh doanh Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh

Ngày 31/12/2025	3,400 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	3.0%	-	-

DT thuần Q4/25
66.2
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 14.3 27.5%
YoY: ▼156 -70.2%

LN thuần Q4/25
4.92
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 3.93 397%
YoY: ▲ 2.24 83.5%

LN sau thuế Q4/25
3.94
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 3.06 348%
YoY: ▲ 2.40 156%

Tỷ suất lãi EBIT 2025
0.8%
YoY: +/-▲ 2.3%

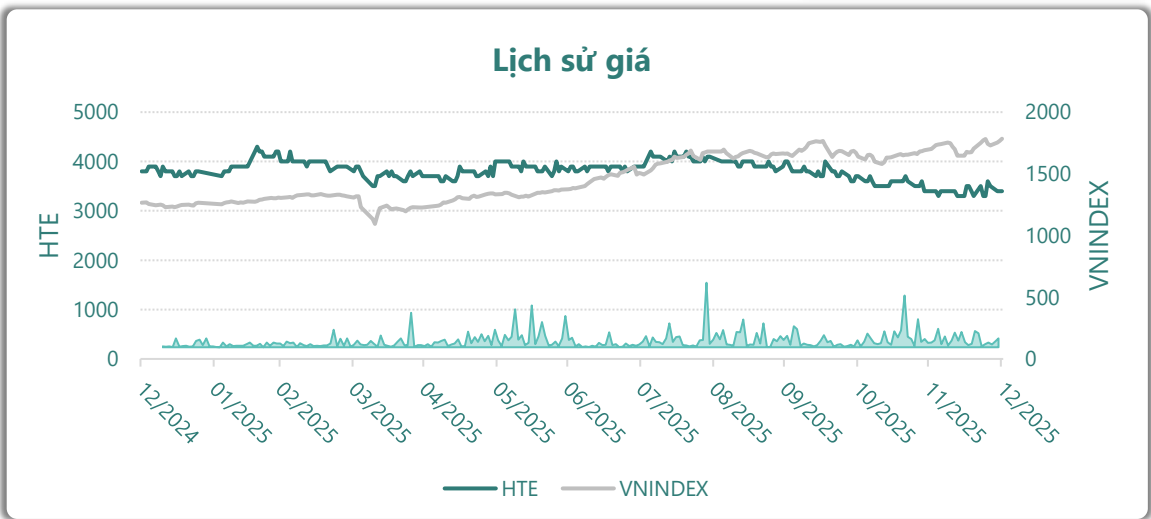
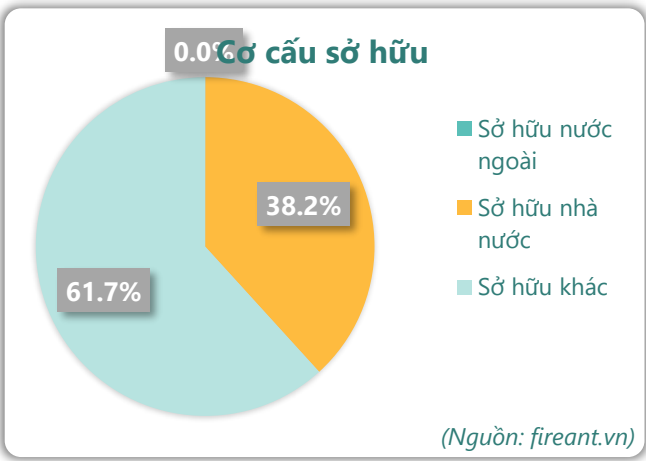
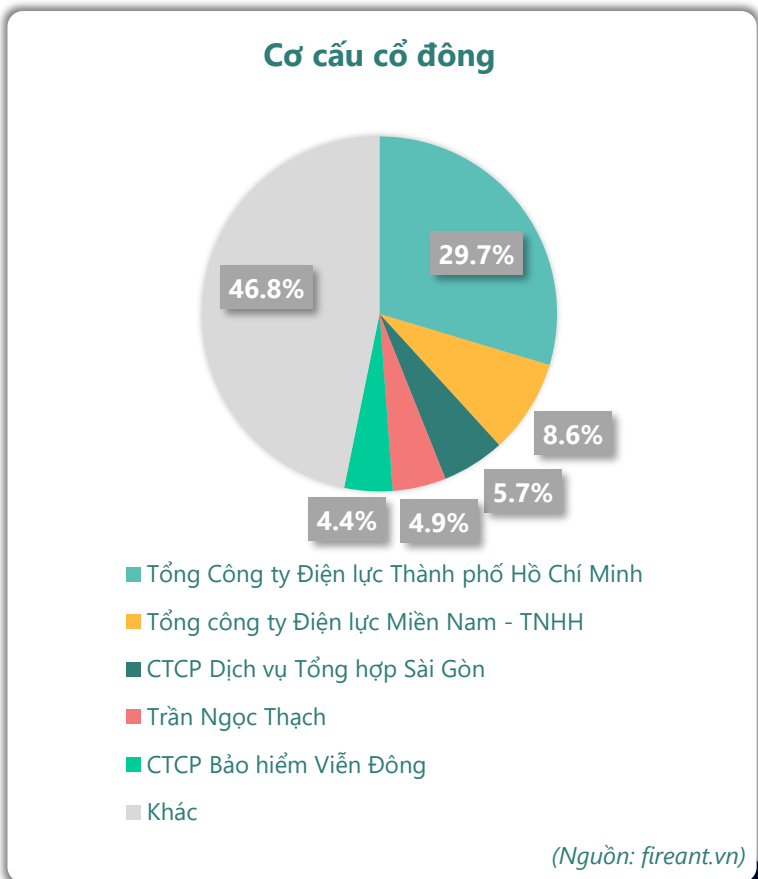
ROE 2025
0.8%
YoY: +/-▲ 3.9%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	3,300 - 4,300
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	77
Số lượng CPLH (CP)	22,638,165
KLGD BQ 20 phiên (CP)	4,055
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.48
EPS	82
P/E	41.6

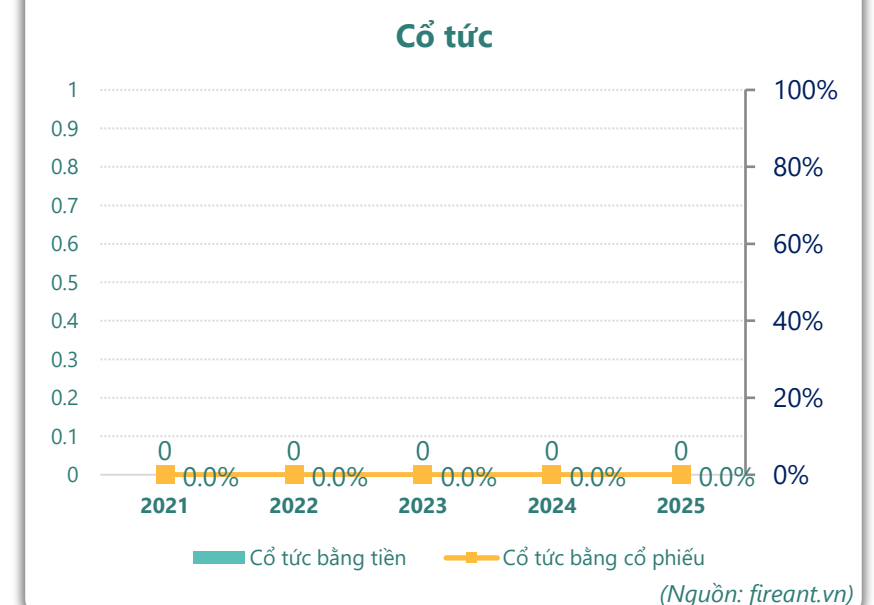
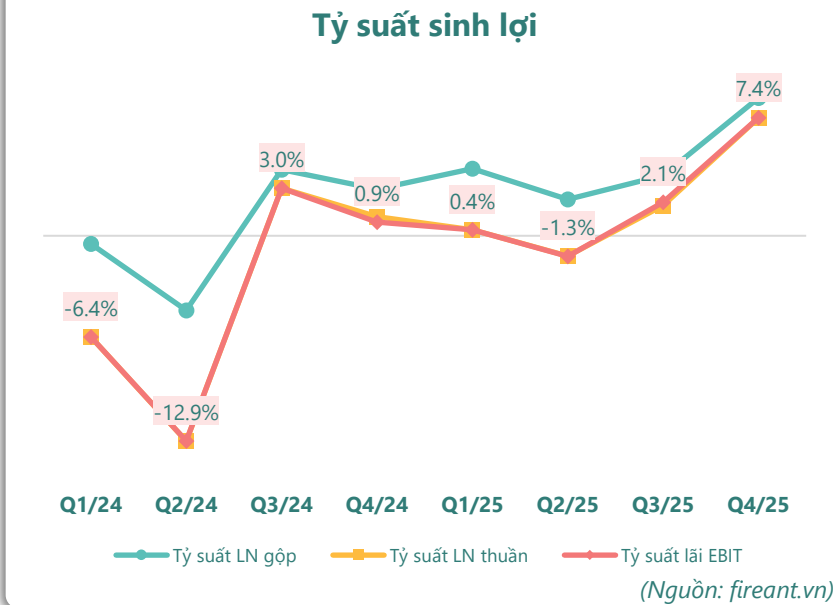
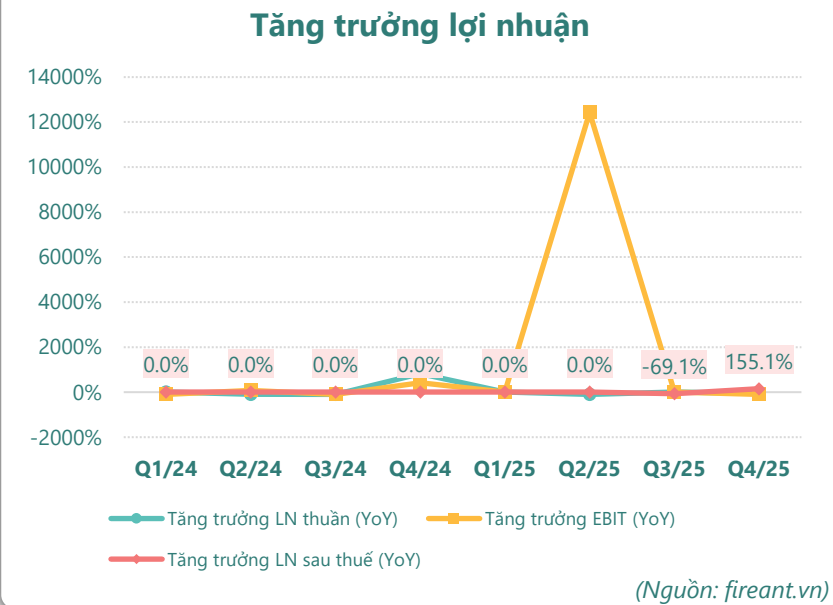
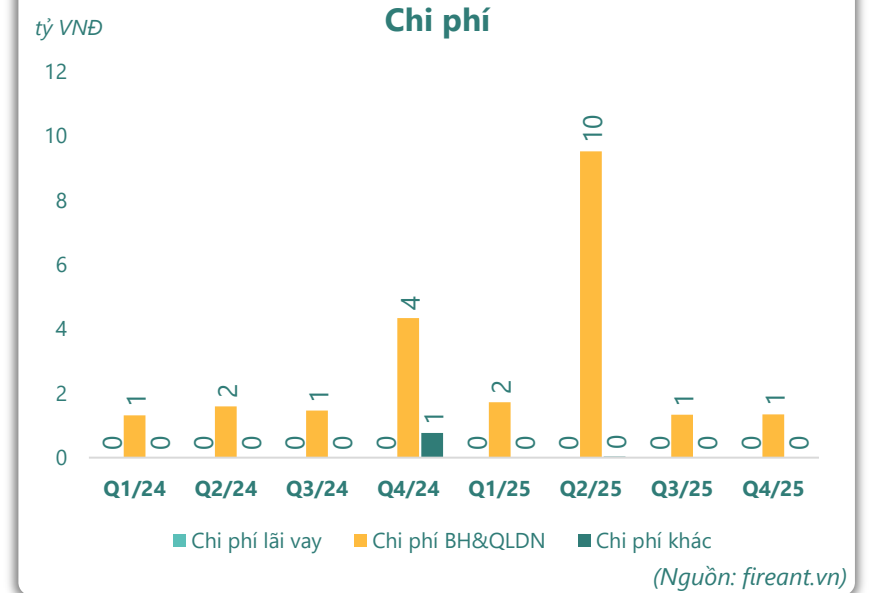
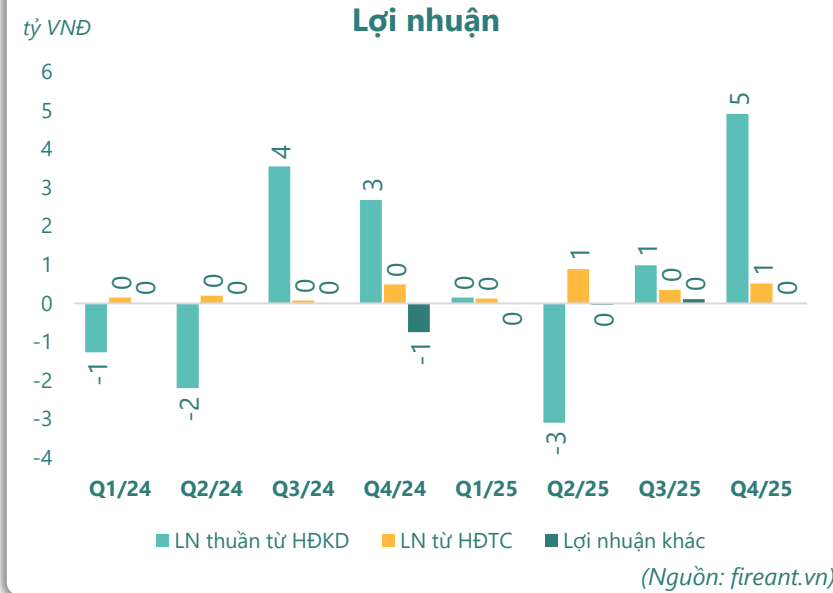
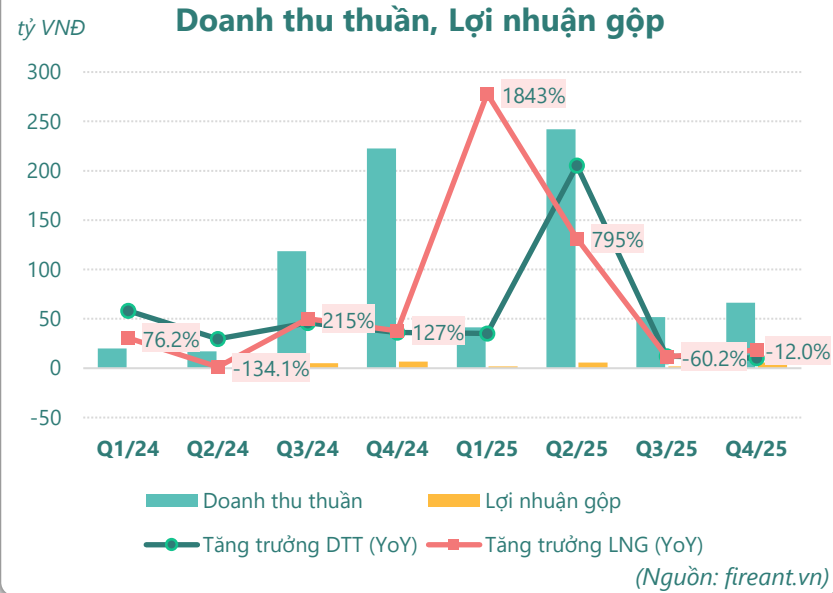
DT thuần 2025
402
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 24.0 6.3%

LN thuần 2025
2.97
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 7.96 159%

LN sau thuế 2025
1.85
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 8.78 127%



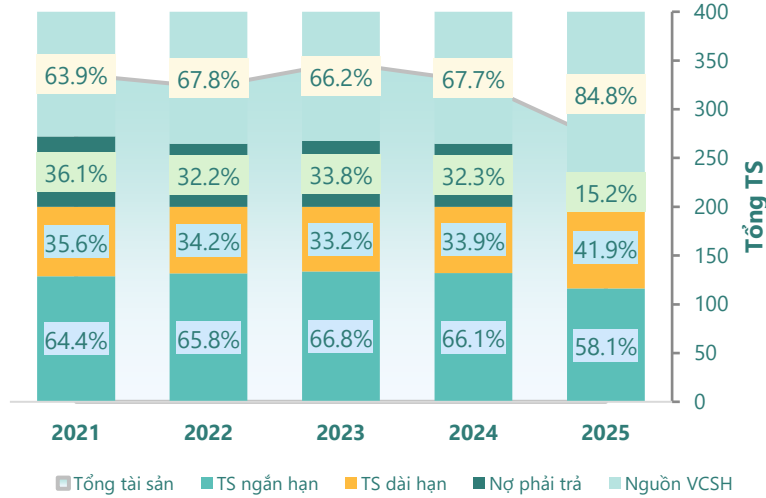
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

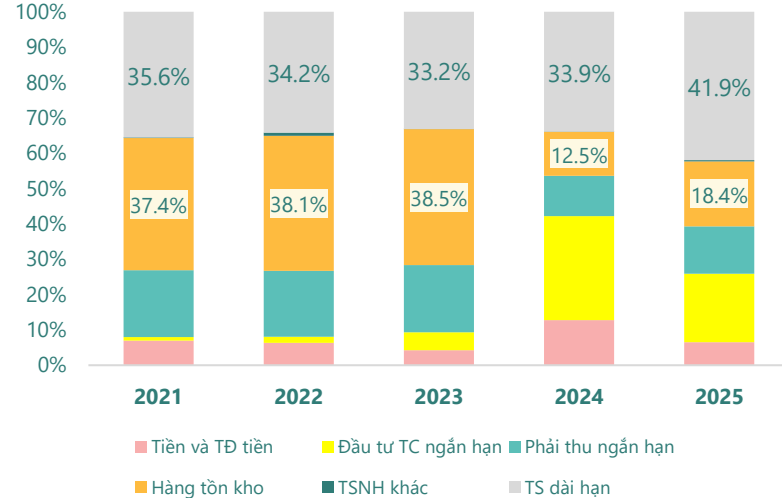
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

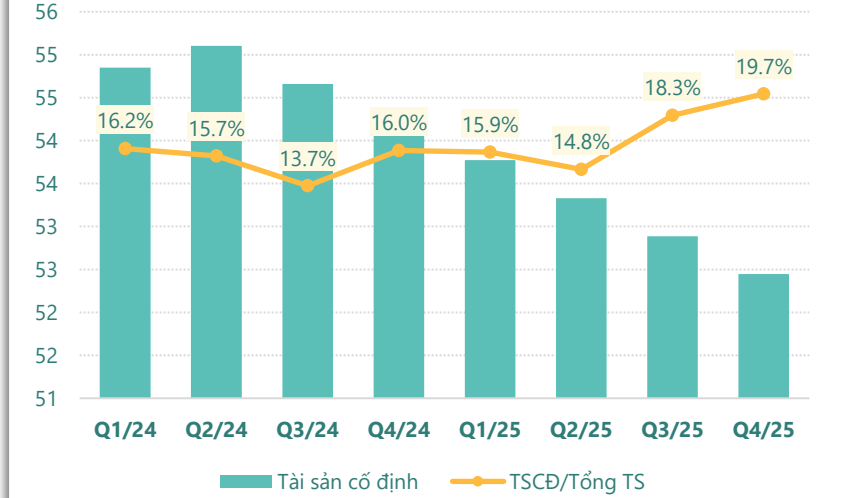
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

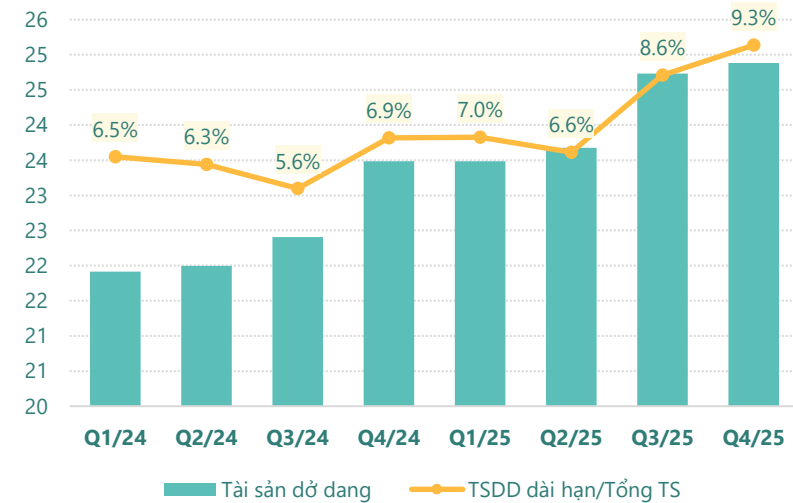
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

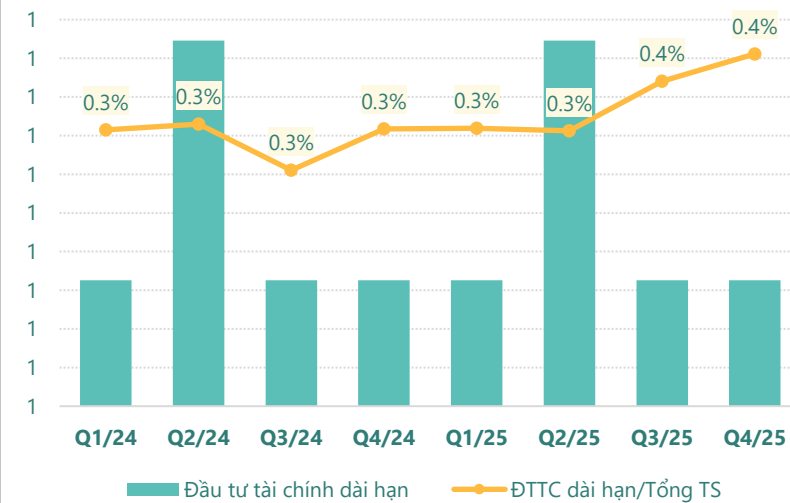
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

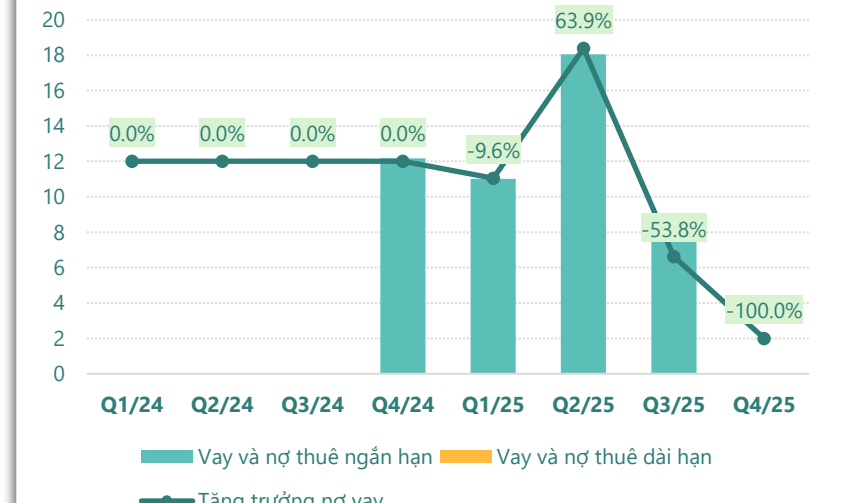
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

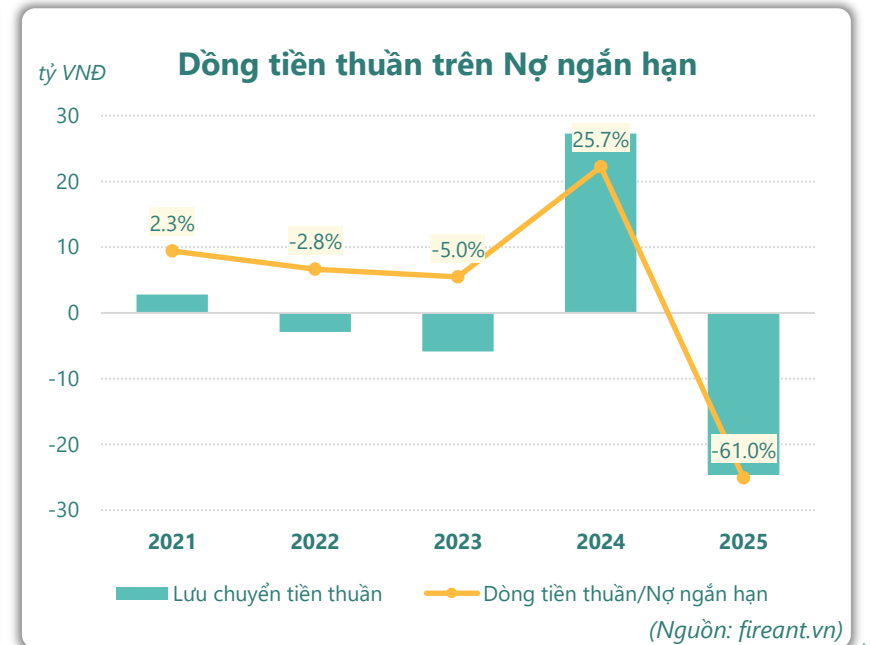
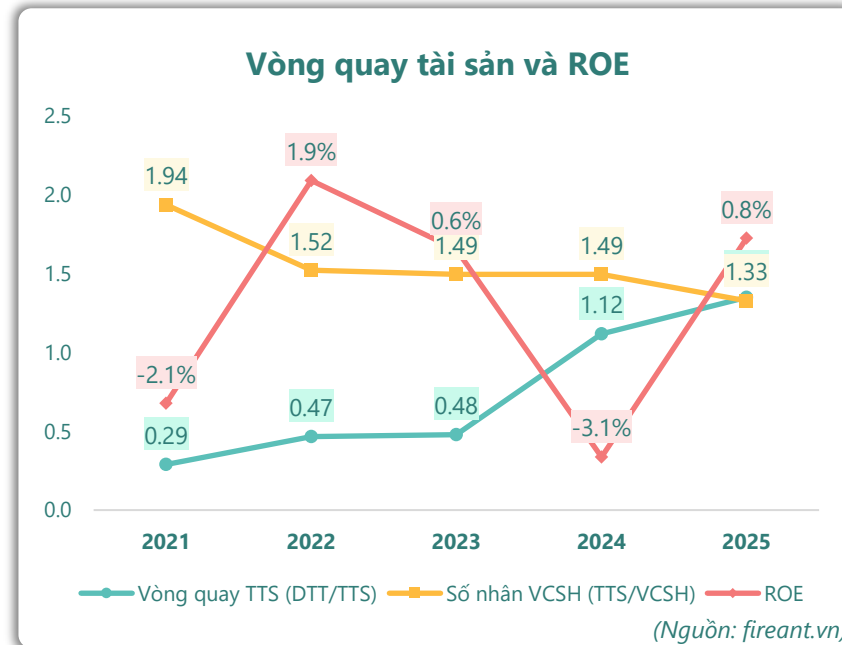
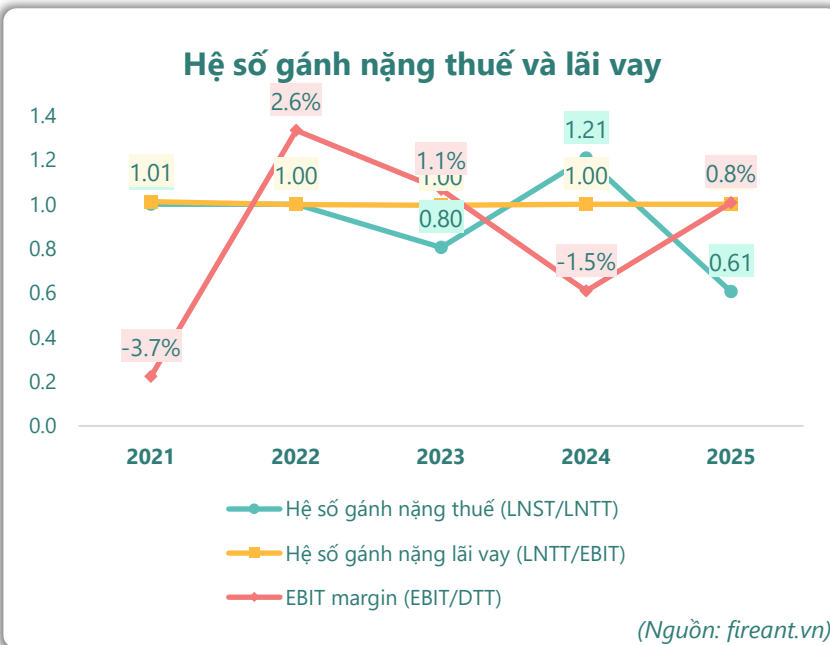
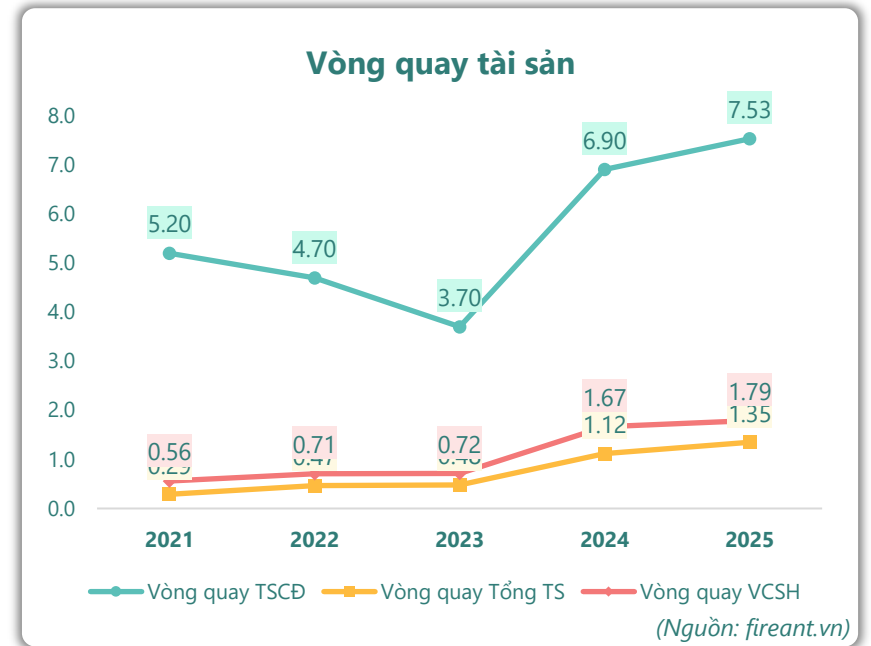
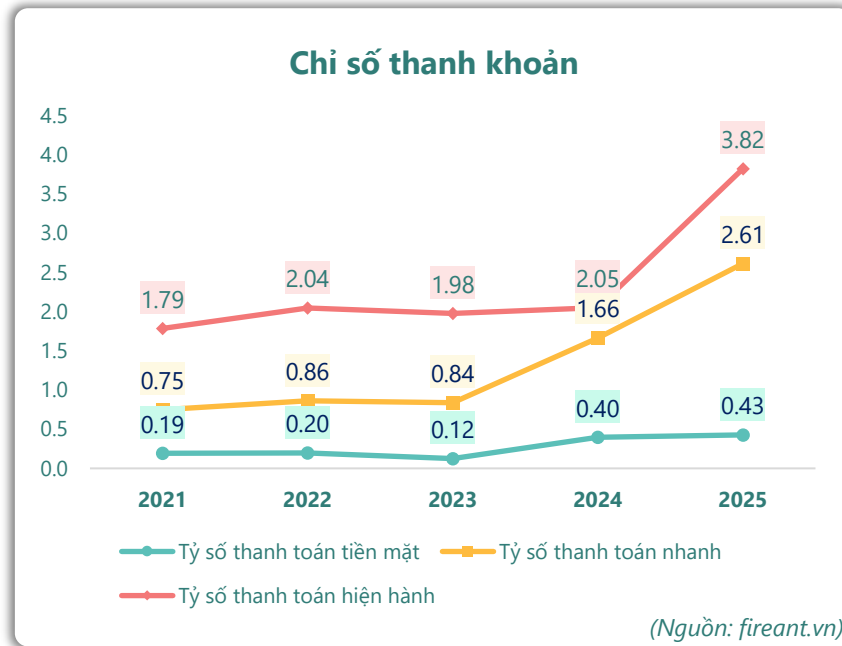
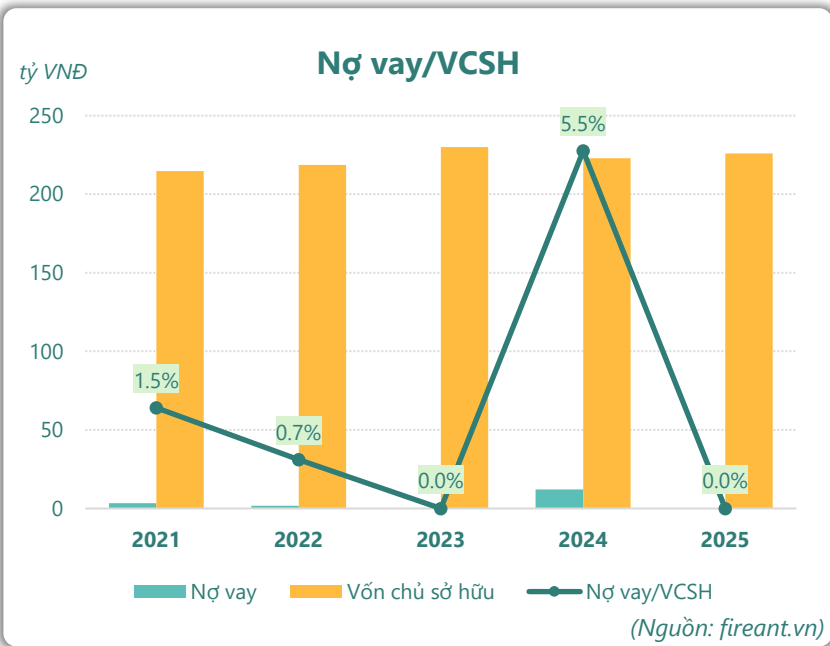
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	66.2	222	-70.2%	402	378	6.3%
Giá vốn hàng bán	60.4	216	-72.0%	386	378	2.4%
Lợi nhuận gộp	5.75	6.54	-12.1%	15.0	0.26	5641%
Doanh thu HĐTC	0.51	0.49	4.7%	1.88	0.91	106%
Chi phí TC	0	0.00		0	0.00	-100%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0.00	-100%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	1.35	4.35	-69.0%	13.9	6.16	126%
LN thuần từ HĐKD	4.92	2.68	83.5%	2.97	-4.99	159%
Lợi nhuận khác	0.01	-0.75	101%	0.09	-0.75	111%
LN trước thuế	4.93	1.93	155%	3.05	-5.74	153%
Lợi nhuận sau thuế	3.94	1.54	156%	1.85	-6.93	127%
LNST của CĐ cty mẹ	3.94	1.54	156%	1.85	-6.93	127%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	47.6	85.0	-16.3	3.27	33.5	-8.86
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-16.2	-10.0	-12.5	48.7	-71.6	12.4
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0.88	8.44	-1.52	7.38	-10.5	-8.56
Tiền đầu kỳ	21.3	53.6	41.8	11.5	70.9	22.2
Lưu chuyển tiền thuần	32.3	83.4	-30.3	59.3	-48.7	-4.98
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	53.6	137	11.5	70.9	22.2	17.3

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	266	329	-19.0%
Tài sản ngắn hạn	155	217	-28.9%
Tiền và tương đương tiền	17.3	41.9	-58.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	51.7	97.0	-46.7%
Phải thu ngắn hạn	35.7	37.4	-4.5%
Hàng tồn kho	49.0	41.1	19.1%
Tài sản ngắn hạn khác	1.05	0.00	186933%
Tài sản dài hạn	112	112	0.1%
Phải thu dài hạn	33.3	32.7	1.6%
Tài sản cố định	52.4	54.2	-3.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	24.9	23.5	6.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	1.09	1.09	0.0%
Tài sản dài hạn khác	0.04	0.08	-53.7%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	40.5	106	-61.9%
Nợ ngắn hạn	40.5	106	-61.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	12.2	-100%
Phải trả người bán ngắn hạn	21.4	64.7	-66.9%
Nợ dài hạn	0.00	0.05	-97.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	226	223	1.4%
Vốn chủ sở hữu	226	223	1.4%
Vốn điều lệ	236	236	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

